

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2011

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**  
**NĂM 2010 NHIỆM KỲ 2006÷2010**  
**PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH**  
**NĂM 2011 NHIỆM KỲ 2011÷2015**

**PHẦN I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2006÷2010**  
**I. ĐÁNH GIÁ CHUNG NĂM 2006÷2010**

Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) hàng năm Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - TKV (sau đây gọi là Công ty), căn cứ vào chức năng hoạt động kinh doanh, Công ty đã tích cực thực hiện các dịch vụ tư vấn thiết kế, chuyển giao công nghệ, thương mại, xây dựng,... các dự án duy trì mở rộng, mở mới các mỏ than, nhà máy điện,... của Tập đoàn, các Công ty con, Công ty, đơn vị trực thuộc Tập đoàn cũng như các đơn vị ngoài ngành. Dưới sự quan tâm, chỉ đạo của Tập đoàn, sự hợp tác và giúp đỡ của các đơn vị trong và ngoài ngành cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn bộ cán bộ công nhân viên, trong các năm 2006÷2010 Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm được HĐQT Công ty thông qua với tốc độ gia tăng rất lớn, cụ thể như sau:

(1) **Doanh thu:** Tăng từ 58 tỷ đồng vào năm 2006 lên 281 tỷ đồng vào năm 2010. Như vậy tốc độ gia tăng bình quân của giai đoạn này gần 155%/năm.

Trong đó:

- Tư vấn thiết kế: Tăng từ 49,6 tỷ đồng vào năm 2006 lên 121,5 tỷ đồng.
- Dịch vụ tổng hợp và xây dựng: Năm 2007 Công ty mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh mới là thương mại và chuyển giao công nghệ. Mặc dù đây là một lĩnh vực SXKD mới, nhưng nó đã góp phần làm tăng đáng kể doanh thu của lĩnh vực này, tăng từ 8,6 tỷ đồng vào năm 2006 lên gần 61 tỷ đồng vào năm 2007 và khoảng 160 tỷ đồng vào các năm 2009, 2010.

(2) **Giá trị sản xuất:** Trong giai đoạn 2006÷2010, cùng với sự gia tăng của doanh thu giá trị sản xuất của các lĩnh vực tư vấn thiết kế, dịch vụ tổng hợp và xây dựng cũng tăng theo. Giá trị sản xuất của lĩnh vực tư vấn thiết kế tăng từ 43,7 tỷ đồng lên 107,8 tỷ đồng vào năm 2010, tăng bình quân 127%/năm. Giá trị sản xuất của dịch vụ tổng hợp và xây dựng tăng từ 1,4 tỷ đồng năm 2006 lên trên 19 tỷ đồng vào năm 2010. Tốc độ gia tăng trong giai đoạn này là 247%/năm.

(3) **Lợi nhuận:** Tăng từ 2,36 tỷ đồng vào năm 2006 lên trên 7 tỷ đồng vào năm 2010. Như vậy, tốc độ gia tăng bình quân của lợi nhuận là 132%/năm, cao hơn tốc độ gia tăng của giá trị sản xuất.

(4) **Tiền lương bình quân:** Cùng với sự phát triển của ngành than thu nhập của người lao động trong giai đoạn này cũng tăng lên rất rõ rệt với tốc độ bình quân là 116%/năm, tăng từ 6 tr. đ/người.tháng lên trên tr.đ/người tháng vào các năm 2009, 2010.

*(Một số chỉ tiêu chủ yếu về kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2006÷2010 được nêu tại Phụ lục 01).*

## **II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010**

Năm 2010, Công ty tổ chức sản xuất kinh doanh với những thuận lợi và khó khăn cơ bản sau:

### **II.1 Những thuận lợi**

- Năm 2010 khối lượng công việc dở dang còn lại từ năm 2009 chuyển sang là đáng kể và số lượng các hợp đồng được ký trong năm rất lớn tạo điều kiện cho Công ty có đủ việc làm và ổn định sản xuất.

- Công ty tiếp tục nhận được sự giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi của Lãnh đạo Tập đoàn, sự tin tưởng, hỗ trợ và phối kết hợp cao của các đơn vị bạn hàng trong và ngoài ngành.

- Đội ngũ đông đảo cán bộ thiết kế mà Công ty đã đào tạo nhiều năm qua, nay đã phần nào đáp ứng được công việc và chủ động hơn trong quá trình triển khai thực hiện các công việc được giao.

- Hệ thống các quy chế, quy định từ cơ quan Công ty đến các Xí nghiệp đã dần ổn định, từng bước góp phần tích cực thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh của năm 2009 để lại, đã tạo tiền đề phát triển tốt cho năm 2010.

- Sự đoàn kết nhất trí cao giữa các tổ chức Đảng, đoàn thể với chính quyền và đoàn kết nội bộ, được duy trì, đây cũng là một yếu tố quan trọng thúc đẩy sản xuất phát triển.

### **II.2. Những khó khăn**

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản trên, quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 của Công ty đã phải đương đầu với các khó khăn sau:

- Khủng hoảng kinh tế thế giới vẫn còn nhiều tác động bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Trong nước: tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm, lạm phát vẫn ở mức cao, giá cả thị trường có nhiều biến động,

Đó là những yếu tố bất lợi ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống CBCNV của Công ty.

## II.3 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010

**1. Nộp Ngân sách:** đạt 27.966 triệu đồng, bằng 120% giá trị thực hiện năm 2009 (thực hiện năm 2009 là 23.203 triệu đồng).

### 2. Doanh thu:

**Tổng Doanh thu:** toàn Công ty đạt **280.925 triệu đồng**, bằng 100,9% giá trị thực hiện năm 2009 (thực hiện năm 2009 là 278.161 triệu đồng) và bằng 110% kế hoạch ĐH năm 2010 (KH ĐH năm 2010 là 255.180 triệu đồng).

Trong đó:

- Cơ quan Công ty đạt 103.702 triệu đồng
- XN Thiết kế than Hòn Gai: đạt 18.555 triệu đồng
- XN Dịch vụ tổng hợp và xây dựng (DVTH&XD): đạt 48.713 triệu đồng
- XN Thương mại và chuyển giao công nghệ (TM & CGCN): đạt 109.955 triệu đồng

**2.1. Tư vấn thiết kế:** đạt 121.509 triệu đồng, bằng 105% giá trị thực hiện năm 2009, bằng 101% KH ĐH năm 2010.

Trong đó:

- Cơ quan Công ty: đạt 99.396 triệu đồng, bằng 101,4% kế hoạch.
- XN Thiết kế than Hòn Gai: đạt 18.244 triệu đồng, bằng 106% kế hoạch.
- XN Thương mại và chuyển giao công nghệ: 3.869 triệu đồng, bằng 155% kế hoạch.

**2.2. Dịch vụ tổng hợp và xây dựng:** đạt 157.703 triệu đồng, bằng 97,0% giá trị thực hiện năm 2009, bằng 116,8 % KHĐH năm 2010.

### 3. Giá trị sản xuất:

**Giá trị sản xuất:** toàn Công ty đạt 127.149 triệu đồng, bằng 109% giá trị thực hiện năm 2009, bằng 108% KH ĐH năm 2010.

Trong đó:

**3.1. Tư vấn thiết kế:** đạt 107.772 triệu đồng, bằng 108% giá trị thực hiện năm 2009, (thực hiện năm 2009 là 99.566 triệu đồng) và bằng 104% KHĐH năm 2010.

**3.2. Dịch vụ tổng hợp và xây dựng:** đạt 19.377 triệu đồng, bằng 114% giá trị thực hiện năm 2009 và bằng 138% KHĐH năm 2010.

**4. Lợi nhuận:** đạt 7.084 triệu đồng, bằng 111% giá trị thực hiện năm 2009 và bằng 101% KHĐH năm 2010. Trong đó:

Cơ quan Công ty: đạt 4.803 triệu đồng; Xí nghiệp TK than Hòn Gai đạt 856 triệu đồng; Xí nghiệp DVTH&XD đạt 414,8 triệu đồng và Xí nghiệp TM & CGCN đạt 1.010 triệu đồng.

**5. Tiền lương bình quân:** đạt 10,48 triệu đồng/người/tháng, bằng 99,7% giá trị thực hiện năm 2009, và bằng 104% kế hoạch điều hành. Trong đó:

- 5.1. Cơ quan Công ty : 10,92 triệu đồng/người/tháng.
- 5.2. XN TK than Hòn Gai : 11,02 triệu đồng/người/tháng.
- 5.3. XN DVTH&XD : 7,10 triệu đồng/người/tháng.
- 5.4. XN TM&CGCN : 9,25 triệu đồng/người/tháng.

**6. Lao động bình quân: 476 người, tăng 9% so với so với năm 2009.**

**7. Cổ tức: Đạt 18.5%.**

## **8. Bảo toàn và tăng phần vốn của Công ty**

Vốn pháp định được bảo toàn và bổ sung tăng khoảng trên 5%, quỹ đầu tư phát triển được trích từ lợi nhuận trên 2.860 triệu đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận là trên 1.226 triệu đồng.

Dự kiến tăng vốn điều lệ từ 8 tỷ đồng lên 16 tỷ đồng 2(Nguồn vốn tăng vốn điều lệ: Từ cổ tức năm 2010: 1.480 triệu đồng; Từ quỹ Đầu tư phát triển 6.520 triệu đồng)

*(Một số chỉ tiêu chủ yếu kết quả SXKD năm 2010 của Công ty nêu tại Phụ lục 02).*

## **II.4. Các lĩnh vực công tác**

### **1. Công tác kế hoạch và hợp đồng kinh tế**

Ngay từ đầu năm Công ty đã xây dựng được kế hoạch sản xuất kinh doanh tương đối phù hợp với tình hình dự báo của thị trường và đã triển khai công tác ký kết hợp đồng kinh tế một cách tích cực.

Năm 2010, toàn Công ty đã ký kết: 265 hợp đồng với tổng giá trị 352.310 triệu đồng, tương ứng 146,8% kế hoạch PHKD năm và 138% KHĐH năm.

Trong đó:

- Tư vấn thiết kế đạt: 141 hợp đồng, với giá trị 188.770 triệu đồng, bằng 171,61% kế hoạch PHKD và 157% KHĐH năm.

- Dịch vụ Tổng hợp và xây dựng: 124 hợp đồng, với giá trị 163.540 triệu đồng, bằng 125,8% kế hoạch PHKD và 121,11% KHĐH năm.

### **2. Công tác chỉ đạo sản xuất**

Công tác chỉ đạo và điều độ sản xuất từ cơ quan Công ty đến các Xí nghiệp đã có nhiều chuyển biến tích cực và bám sát nhiệm vụ kế hoạch để chỉ đạo và điều độ sản xuất đạt được hiệu quả tốt nhất.

Đã xử lý và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong sản xuất một cách triệt để và khoa học hơn, thông qua báo cáo công nghệ trình bày dự án và phương án sản xuất kinh doanh.

### **3. Công tác quản lý và kiểm tra kỹ thuật**

Công tác quản lý và kiểm tra kỹ thuật quyết định chính đến nội dung và chất lượng sản phẩm Tư vấn thiết kế. Trong các mặt quản lý và kiểm tra kỹ thuật công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm Tư vấn thiết kế được thực hiện khá tốt, chặt chẽ và khoa học.

#### **4. Công tác quản lý tài chính kế toán**

Trong năm 2010, tình hình tài chính trong và ngoài nước có nhiều biến động gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước. Công ty cũng gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh thương mại và hoạt động huy động vốn để đầu tư mở rộng sản xuất. Tuy nhiên, công tác huy động vốn đã được thực hiện khá tốt nên đã đảm bảo đủ vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

Công tác thu đòi công nợ cũng có nhiều cố gắng, đảm bảo đủ tiền cho phục vụ sản xuất, trả lương và các nhu cầu khác..., luôn hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ nộp thuế cho Ngân sách Nhà nước và cấp trên.

Đã nghiên cứu chỉnh sửa các quy định về chế độ tài chính kế toán của Công ty cho phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### **5. Công tác tổ chức lao động và tiền lương**

- Công tác quản lý nhân sự: từ Công ty đến các Xí nghiệp công tác quản lý nhân sự đã được thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước, Tập đoàn và của Công ty.

- Công tác quản lý ngày, giờ công của người lao động: từ Công ty đến các Xí nghiệp đã thực hiện giao khoán chi phí đến CNĐA, CNĐT và người lao động. Việc quản lý giờ, ngày công của người lao động trực tiếp và cơ bản là do các phòng, ban và bộ phận sản xuất.

- Công tác đào tạo: Công ty đã có được đội ngũ các thiết kế viên, các CNĐA trẻ, trưởng thành nhanh hơn cả về năng lực chuyên môn nghiệp vụ và có phẩm chất chính trị tốt, đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ trước mắt cũng như trong tương lai. Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho các cán bộ, kỹ sư đi học các ngành nghề còn thiếu như Vật liệu nổ, PCCC, để phục vụ cho công tác Tư vấn thiết kế, tuy nhiên công việc này chưa thực hiện được. Luôn tạo điều kiện cho CBCN học Cao học, Tiến sỹ và học ngoại ngữ để phát triển lực lượng lao động trong tương lai.

- Công tác đào tạo ngoại ngữ cần phải chú trọng và quan tâm hơn nữa để có thể đào tạo được nhiều các kỹ sư vừa giỏi chuyên môn và giỏi ngoại ngữ. Góp phần vào sự phát triển của Công ty trong thời kỳ hội nhập.

- Công tác tiền lương: Thu nhập bình quân toàn Công ty đạt trên 10 triệu đồng/người/tháng. Tuy nhiên, công tác tiền lương vẫn còn có một số vấn đề bất cập cần được điều chỉnh cho phù hợp để động viên người lao động.

#### **6. Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản**

- Công ty đã tổ chức lập hồ sơ, thẩm định và quyết định đầu tư các Dự án ĐTXD trong năm 2010 theo đúng Quy chế đầu tư của Tập đoàn và các Luật liên quan.

- Trong năm 2010, đã đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ sản xuất, đã đầu tư xây dựng nhà đại diện Công ty tại khu vực Cẩm Phả, sửa chữa cải tạo nhà làm việc 5 tầng, nhà làm việc 2 tầng để bố trí chỗ làm việc cho Xí nghiệp TM&CGCN, chỉnh trang mặt bằng cơ quan... Riêng đối với Dự án đầu tư khai thác mỏ đá Núi Sống -

Lương Sơn, Công ty đã được UBND tỉnh Hoà Bình cấp Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy phép khai thác khoáng sản; Lập và được UBND tỉnh Hoà Bình phê duyệt Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và đã thực hiện xong việc trích đo bản đồ khu mỏ để làm cơ sở đền bù giải phóng mặt bằng, thuê đất, thu hồi đất và giao đất trong năm 2011.

- Công tác đầu tư nhà cao tầng tại 565 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội: do tình hình lạm phát của nền kinh tế, sự bất ổn định của thị trường tài chính và sự thay đổi các chính sách trong lĩnh vực đất đai đã gây ảnh hưởng bất lợi đối với thị trường bất động sản trong nước. Do đó trong năm 2010 Công ty chưa triển khai được công việc chuẩn bị đầu tư xây dựng toà nhà VIMCC.

### **7. Công tác nghiên cứu khoa học và thông tin kinh tế kỹ thuật**

Công tác nghiên cứu khoa học và thông tin kinh tế kỹ thuật tổ chức thực hiện chưa thường xuyên và chưa có hiệu quả, đóng góp của hoạt động này cho sản xuất kinh doanh của Công ty còn rất hạn chế. Cuối năm 2008, Công ty đã thành lập phòng Lưu trữ và thông tin khoa học công nghệ. Phòng này bước đầu đã đi vào hoạt động ổn định nhưng cần phải cố gắng hơn nữa mới đáp ứng được yêu cầu theo chức năng nhiệm vụ giao cho phòng và mới có thể góp phần thiết thực vào phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **8. Các công việc khác**

- Công tác thi đua khen thưởng: Để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đề ra Giám đốc - Công đoàn Công ty cùng các phòng chức năng đã phát động các đợt thi đua trong phong trào lao động sản xuất, treo thưởng các công trình, công việc để động viên tinh thần làm việc của toàn thể CBCNV.

- Duy trì tốt các hoạt động văn hoá tinh thần, cấp đủ báo chí, các tập san KHCCN chuyên ngành đến các Phòng Ban, đơn vị của Công ty. Chăm lo đến đời sống tinh thần và vật chất cho CBCNV và con em trong Công ty; Tổ chức giao lưu văn nghệ, thể thao với các đơn vị làm công tác tư vấn trên địa bàn Hà Nội; Tổ chức thành công kỷ niệm 45 ngày thành lập Công ty 22/9/1965-22/9/2010.

- Thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, nghĩa vụ đối với địa phương sở tại. Phối hợp, thực hiện linh hoạt cơ chế hiện hành của Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam.

### **II.5. Những bài học kinh nghiệm**

Từ thực tiễn quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh năm 2010 và các năm của nhiệm kỳ 2006-2011 có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

1. Tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của lãnh đạo và các ban ngành của TKV cũng như của các Chủ đầu tư. Duy trì tốt mối quan hệ mật thiết với bạn hàng, đặc biệt là các đơn vị trong ngành than, để phục vụ cho sự phát triển của Công ty trước mắt cũng như lâu dài.

2. Cần đặc biệt quan tâm tới khai thác mở rộng thị trường để đảm bảo chủ động trong tổ chức sản xuất trong từng quý và cả năm.

3. Chất lượng và tiến độ công trình là vấn đề sống còn đảm bảo cho sự phát triển bền vững lâu dài của Công ty trong cơ chế thị trường và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống thu nhập của CBCNV và là hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như uy tín của Công ty.

4. Cần chủ động và quan tâm hơn đến công tác nghiên cứu các chương trình áp dụng tiến bộ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ, trước hết là phục vụ nâng cao chất lượng các dự án, các thiết kế và sau đó là thực hiện các chương trình chuyển giao công nghệ một cách có hiệu quả.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế để không ngừng đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ lao động trong Công ty và uy tín của Công ty.

6. Giữ gìn sự đoàn kết nhất trí giữa các tổ chức Đảng, đoàn thể với chính quyền đây cũng là một yếu tố quan trọng đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

## PHẦN II

### PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2011÷2015

#### **I. Những cơ hội và thách thức**

##### **1. Những cơ hội**

- Kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2006÷2010 đã tạo đà và thuận lợi cơ bản cho Công ty thực hiện các chương trình của kế hoạch giai đoạn 2011÷2015. Khối lượng công việc dờ dang của các năm trước 2010 chuyển sang còn lớn, trong đó tư vấn thiết kế trên 120 tỷ đồng, dịch vụ tổng hợp và xây dựng trên 60 tỷ đồng.

- Kết quả hoạt động nhiều năm qua đã gây dựng được uy tín cao của Công ty đối với đông đảo bạn hàng và xác lập vị thế của Công ty trên thị trường trong và ngoài nước. Đây là cơ hội lớn để giai đoạn 2011÷2015 có thể gặt hái được nhiều thành công hơn nữa.

- Qua thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh những năm gần đây, Công ty đã xây dựng được đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm, được nâng cao về trình độ chuyên môn và nhiệm vụ, có đủ khả năng thực hiện các công trình lớn đảm bảo chất lượng tốt và với thời gian ngắn nhất.

- Kết quả hoạt động SXKD những năm qua đã tạo ra cho Công ty một tiềm lực kinh tế tài chính tốt, để có điều kiện tổ chức sản xuất kinh doanh cho giai đoạn tiếp theo.

##### **2. Những thách thức**

- Tình hình kinh tế - xã hội trên nhiều mặt có nhiều biến động phức tạp, đồng tiền mất giá, giá cả thị trường (giá lương thực và các nhu yếu phẩm phục vụ đời sống) tăng cao, tỷ giá ngoại tệ không ổn định, lạm phát tăng cao, lãi suất tiền vay liên tục tăng...đã và sẽ gây nhiều bất lợi cho sản xuất kinh doanh của Công ty và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của CBCNV.

- Trong điều kiện nền kinh tế thị trường có nhiều biến động như hiện nay, Lãnh đạo Tập đoàn Vinacomin có chủ trương thắt chặt công tác đầu tư. Điều này ảnh hưởng rất lớn tới công tác Tư vấn thiết kế.

- Những thay đổi của Nhà nước về chính sách đối với ngành Than như giá than, thuế, xuất nhập khẩu,.. điều này cũng sẽ ảnh hưởng đến công việc của Công ty.

- Lực lượng lao động lâu năm có kinh nghiệm và trình độ cao đến tuổi nghỉ hưu nhiều, dẫn đến thiếu nhân lực ở một số vị trí quan trọng cần bổ sung sẽ tạo ra một sức ép lớn đối với Công ty trước yêu cầu về thời gian, khối lượng và chất lượng các công trình Tư vấn thiết kế.

#### **II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2011÷2015**

Với những cơ hội và thách thức như trên, vào tháng 9 năm 2010 Công ty đã xây dựng và trình Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam kế hoạch sản



xuất kinh doanh giai đoạn 2011÷2015. Trong đó hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu đều tăng không đáng kể.

*(Một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD 5 năm 2011 ÷2015 nêu tại Phụ lục 03)*

Căn cứ vào Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2011 kèm theo Hợp đồng Phối hợp kinh doanh năm 2011 số 158/2011/HĐKD ngày 23/12/2009 ký giữa Tập đoàn Vinacomin và khả năng thực hiện của Công ty, Giám đốc đã ký Quyết định số 75/QĐ-KH ngày 03/02/2011 về việc: Giao chỉ tiêu kế hoạch điều hành SXKD năm 2011, Trong đó một số chỉ tiêu của kế hoạch điều hành SXKD năm 2011 như sau:

**1. Tổng Doanh thu: 277.000 triệu đồng**

Trong đó:

- Doanh thu Tư vấn thiết kế: 120.570 triệu đồng
- Doanh thu Dịch vụ tổng hợp và xây dựng: 156.430 triệu đồng

**2. Giá trị sản xuất đạt: 119.816 triệu đồng**

**3. Lợi nhuận đạt: 7.500 triệu đồng**

**4. Dự kiến cổ tức: 15%**

**5. Thu nhập bình quân người lao động: đạt trên 11 triệu đồng/người/tháng.**

*(Một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch điều hành SXKD năm 2011 nêu tại Phụ lục 04)*

#### **IV. Các mục tiêu đầu tư chủ yếu năm 2011**

Năm 2011 triển khai thực hiện các chương trình đầu tư sau:

1- Hoàn chỉnh đầu tư xây dựng và đưa vào khai thác Nhà đại diện của Công ty tại Cẩm Phả với mục tiêu:

- Tạo chỗ làm việc ổn định cho Xí nghiệp DVTH&XD và Ban giám sát của Công ty làm việc tại khu vực Cẩm Phả - Quảng Ninh.
- Mở rộng phát triển Xí nghiệp, tạo điều kiện cho Xí nghiệp đảm đương được khối lượng công việc lớn và nhanh hơn.

2- Đầu tư khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng mỏ đá Cao Rằm, huyện Lương Sơn, Hoà Bình: Trong năm 2011 Công ty sẽ cổ phần hoá Xí nghiệp khai thác khoáng sản Lương Sơn theo hướng xã hội hoá trên quan điểm ưu tiên các cổ đông của Công ty, và giao cho HĐQT Công ty tìm nhà đầu tư là cổ đông chiến lược tiêu thụ các sản phẩm của mỏ.

3- Nghiên cứu phương án liên doanh với một số đơn vị để áp dụng, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

4- Đầu tư đào tạo nguồn nhân lực: Để đạt được sự phát triển bền vững cho Công ty, cần tổ chức tốt hơn công tác đào tạo nguồn nhân lực trên các mặt: Nhận thức Chính trị, đào tạo ngoại ngữ và nâng cao trình độ chuyên môn.

5. Đầu tư nhà cao tầng tại 565 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội:

*Do tình hình lạm phát của nền kinh tế, sự bất ổn định của thị trường tài chính và sự thay đổi các chính sách trong lĩnh vực đất đai đã gây ảnh hưởng bất lợi đối với thị trường bất động sản trong nước. Do đó trong năm 2010 Công ty chưa triển khai được công việc chuẩn bị đầu tư xây dựng toà nhà VIMCC.*

*Trong năm 2011 và những năm tiếp theo của nhiệm kỳ 2011-2015 tiếp tục giải quyết các công việc triển khai việc đầu tư xây dựng nhà cao tầng tại 565 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.*

*6. Nghiên cứu thành lập Chi nhánh Công ty hoặc Ban Giám sát tại khu vực Ông bí để đáp ứng được nhiệm vụ giám sát công tác Tư vấn thiết kế của khu vực Ông bí mà trước đây Ban Giám sát Cẩm phả đảm nhận.*

## **V. Những biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD năm 2011**

Để hoàn thành nhiệm vụ và các chương trình sản xuất kinh doanh năm 2011 và những năm tiếp theo của nhiệm kỳ 2011-2015, Công ty cần tập trung tiếp tục đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ chính là Tư vấn thiết kế và mở rộng các công việc trong các lĩnh vực khác với những biện pháp sau:

### **1. Những biện pháp về thị trường**

- Đối với thị trường truyền thống tạo ra các công trình, công việc về Tư vấn thiết kế, Công ty cần phải xây dựng tốt mối quan hệ với các chủ đầu tư và Lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Xác định doanh thu hoạt động Tư vấn thiết kế vẫn sẽ là doanh thu quan trọng. Bên cạnh thị trường tư vấn thiết kế các mỏ than, cần quan tâm hơn nữa tới thị trường Tư vấn thiết kế các lĩnh vực khác trong Tập đoàn và các đơn vị ngoài ngành.

- Xây dựng uy tín trên thị trường bằng nhiều giải pháp khác nhau tuy nhiên giải pháp lấy tiến độ và chất lượng công trình được đặc biệt coi trọng, trên cơ sở đó thu hút bạn hàng và tạo sự phát triển ổn định, vững mạnh cho Công ty.

*Để tạo thuận lợi cho việc tiếp cận với thị trường đề nghị Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho HĐQT quyết định đầu tư và ký các Hợp đồng có giá trị  $\geq 50\%$  tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính gần nhất và báo cáo vào Đại hội kế tiếp.*

### **2. Những biện pháp về Tổ chức sản xuất**

**2.1. Mô hình tổ chức:** Nghiên cứu xây dựng một mô hình quản lý và hệ thống quy chế hợp lý để tăng cường tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị thành viên, đảm bảo sự bình đẳng về kinh doanh giữa cơ quan Công ty với các đơn vị thành viên trên cơ sở đảm bảo lợi ích lâu dài và chung của cả Công ty.

### **2.2. Tổ chức thực hiện các công trình Tư vấn thiết kế**

Công tác tư vấn thiết kế được thực hiện chủ yếu ở cơ quan Công ty và XN Thiết kế than Hòn Gai để công tác Tư vấn thiết kế đạt kết quả tốt hơn từ cơ quan Công ty đến các Xí nghiệp cần:

- Tăng cường trách nhiệm quản lý của các trưởng phòng.
- Tăng cường tích cực chủ động của các CNĐA trong quá trình điều hành thực hiện các dự án.

- Thực hiện một cách khoa học chương trình tổ chức báo cáo dự án, trong đó cần quan tâm đến tổ chức báo cáo sơ bộ để xác định định hướng công nghệ của dự án, trước khi giao yêu cầu cho các phòng và triển khai đồng bộ các bộ môn.

- Đầu tư áp dụng nghiên cứu khoa học vào trong các dự án thiết kế để các dự án thiết kế ngày một chất lượng cao hơn. Đây là điều rất quan trọng để duy trì vị thế và lòng tin của khách hàng đối với Công ty.

### ***2.3. Tổ chức thực hiện các chương trình chuyển giao công nghệ***

Thời gian vừa qua công tác Chuyển giao công nghệ (CGCN) đã được Lãnh đạo Công ty hết sức quan tâm và tạo điều kiện phát triển. Lĩnh vực này là cơ hội để cho các kỹ sư trẻ của Công ty tiếp cận với kỹ thuật tiên tiến và thực tế sản xuất, hơn nữa thông qua nghiên cứu và CGCN sẽ xác lập được vị thế của Công ty trên thị trường.

Để làm tốt công tác chuyển giao công nghệ Công ty cần:

- Xây dựng một cơ chế khuyến khích các Tập thể, cá nhân thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

- Xây dựng một quy định phối hợp giữa cơ quan Công ty với các xí nghiệp nhằm phát huy tích chủ động sáng tạo của đơn vị thực hiện và tăng cường trách nhiệm quản lý của cơ quan Công ty trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình.

- Cần bổ sung và nâng cao hơn nữa năng lực cả về số và chất lượng lao động để đảm đương tốt các chương trình chuyển giao công nghệ.

- Nghiên cứu mô hình liên kết với các đơn vị trong ngành để ứng dụng sản phẩm đổi mới công nghệ vào sản xuất.

### ***2.4. Tổ chức thực hiện các chương trình kinh doanh thương mại***

Hoạt động thương mại của Công ty giao cho 2 đơn vị thực hiện là Xí nghiệp TM& CGCN và Xí nghiệp DVTH&XD. Trong điều kiện Kinh tế - Xã hội hiện nay việc kinh doanh thương mại sẽ còn phải đương đầu với nhiều khó khăn và trở ngại lớn do sự biến động không lường trước được của giá ngoại tệ cũng như giá cả thị trường. Do vậy, hoạt động thương mại năm 2011 cần có sự phối hợp chặt chẽ để đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

## **3. Những biện pháp về cơ chế quản lý và điều hành**

- Cần rà soát và hoàn thiện để có được các cơ chế quản lý khoa học, linh hoạt cho mỗi lĩnh vực hoạt động nhằm phát huy cao độ được năng lực của các cá nhân và của các tập thể cho mục tiêu phấn đấu tăng trưởng cao của Công ty.

- Tiếp tục đầu tư khuyến khích phát triển, áp dụng công nghệ tin học trong công tác Tư vấn, thiết kế, đặc biệt quan tâm đầu tư các phần mềm, tự xây dựng các phần mềm mạnh để nâng cao năng suất lao động. Từng bước đầu tư các phần mềm có bản quyền để phù hợp với quy định của pháp luật.

- Bổ sung điều chỉnh quy định phân phối thu nhập và tiền lương, để khắc phục các bất hợp lý trong phân phối thu nhập và tiền lương nhằm tạo sự công bằng và khuyến khích được người lao động.

## **4. Biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất, thực hành tiết kiệm**

Để đạt được mục tiêu nâng qua hiệu quả sản xuất kinh doanh Công ty cần thực hiện các biện pháp sau:

- Khai thác triệt để các sản phẩm lao động quá khứ của Công ty, cần tổ chức nghiên cứu và xây dựng hệ thống Modul các thiết kế mẫu, để áp dụng trong các dự án, trên cơ sở đó tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất trên nhiều mặt kể cả chi phí nhân công.

- Cải tiến phương pháp triển khai các dự án, trong đó cần thực hiện nghiêm túc việc thông qua định hướng và các giải pháp công nghệ của đề án, triển khai đồng bộ các bộ môn liên quan, trên cơ sở đó sẽ giảm bớt thời gian và khối lượng công việc sửa chữa làm đi làm lại các sản phẩm thiết kế.

- Thực hiện khoán chi phí để khuyến khích người lao động chủ động hơn trong tổ chức công việc và tham gia thực hành tiết kiệm.

- Tăng cường quản lý chi phí cho các đoàn đi công tác trong và ngoài nước để đảm bảo hiệu quả của các đoàn công tác.

- Cần nghiên cứu và quy định cụ thể việc quản lý tất cả các chi phí, kể cả chi phí Văn phòng phẩm, chi phí tiếp khách, lễ tân v.v., liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty, để giảm chi phí quản lý đến mức thấp nhất.

## **VI. Kết luận**

Năm 2011 và những năm tiếp theo của nhiệm kỳ 2011-2015 có nhiều thử thách và khó khăn, các cổ đông và những người lao động trong Công ty cần đoàn kết, quyết tâm và nỗ lực để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 2011, tạo thế và lực cho phát triển vững mạnh trước mắt cũng như lâu dài, tăng tích lũy đầu tư để phát triển Công ty, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, đảm bảo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đóng góp nhiều cho ngân sách Nhà nước. Tôi xin thay mặt cho Ban lãnh đạo điều hành Công ty cảm ơn các vị cổ đông đã tin tưởng và ủng hộ, tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ trong suốt nhiệm kỳ 2006-2010 và mong được sự tín nhiệm, tạo điều kiện hơn nữa để điều hành Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch năm 2011 và các năm tiếp theo của nhiệm kỳ 2011-2015.

Nhân dịp này, xin được thay mặt cho Ban lãnh đạo, toàn thể Cổ đông và Người lao động Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp-TKV trân trọng cảm ơn:

- Lãnh đạo các Bộ Ngành Trung ương và các địa phương;
- Lãnh đạo và các Ban của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- Lãnh đạo các đơn vị bạn hàng trong và ngoài Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

Mong tiếp tục nhận được sự giúp đỡ to lớn hơn nữa trong chặng đường phát triển của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY**  
**Phạm Công Hương**

**Phụ lục 01. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM 2006 ÷ 2010**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện					B/q g/d '06-'10
			2006	2007	2008	2009	2010	
1	Nộp ngân sách	Tr.đ	4.878,00	7.478,00	13.416,89	23.205,00	27.966,00	
2	Các quỹ nộp TKV	„			489,06	248,00	1.295,00	
3	Tổng doanh thu	„	58.239,00	120.999,32	145.304,90	278.389,41	280.925,80	
3.1	Doanh thu SXKD	„	58.239,00	120.999,32	145.304,90	278.161,00	279.212,80	
	Tốc độ gia tăng	%		207,76	120,09	191,43	100,38	154,9
	- Tư vấn thiết kế	Tr.đ	49.645,00	60.086,15	97.763,14	115.566,00	121.509,80	
	Doanh thu SXKD	%		121,03	162,70	118,21	105,14	126,8
	- Dịch vụ TH & XD	Tr.đ	8.594,00	60.913,17	47.541,76	162.595,00	157.703,00	
	Tốc độ gia tăng	%		708,79	78,05	342,00	96,99	306,5
3.2	Doanh thu h/dộng TC & khác	Tr.đ				228,41	1.713,00	
4	Tổng giá trị sản xuất	Tr.đ	45.103,00	51.393,03	87.318,88	116.564,30	127.148,86	
	Tốc độ gia tăng	%		113,95	169,90	133,49	109,08	131,6
	- Tư vấn thiết kế	Tr.đ	43.667,00	48.511,38	84.341,77	99.566,00	107.771,83	
	Tốc độ gia tăng	%		111,09	173,86	118,05	108,24	127,8
	- Dịch vụ TH & XD	Tr.đ	1.436,00	2.881,65	2.977,11	16.998,30	19.377,03	
	Tốc độ gia tăng	%		200,67	103,31	570,97	113,99	247,2
5	Tổng chi phí	„	55.878,00	117.944,85	140.857,28	271.797,30	288.948,80	
	Tốc độ gia tăng	%		211,08	119,43	192,96	106,31	157,4
6	Chi phí trung gian	„	29.666,19	85.381,74	92.322,58	205.062,10	213.625,14	
7	Giá trị gia tăng (GDP)	„	26.211,81	32.563,11	48.534,70	66.735,20	75.323,66	
	Tốc độ gia tăng	%		124,23	149,05	137,50	112,87	130,9
	- Khấu hao TSCĐ	„	1.142,00	1.728,00	1.725,38	1.694,70	3.022,00	
	- Tiền lương	„	23.678,81	29.079,56	44.024,61	54.918,00	59.886,71	
	- BHXH, y tế, thất nghiệp, kinh phí CĐ	„	1.182,00	1.518,55	2.082,67	2.683,80	3.452,95	
	- Các loại thuế	„	209,00	237,00	702,04	1.075,00	1.878,00	
	Kết chuyển chi phí dở dang (ĐK-CK)						-15.107,00	
8	Lợi nhuận	Tr.đ	2.361,00	3.054,47	4.447,62	6.363,70	7.084,00	
	Tốc độ gia tăng	%		129,37	145,61	143,08	111,32	132,3
9	Lao động tiền lương	„						
	- Lao động bình quân	người	330	376	387	435	476	
	Tốc độ gia tăng	%		113,94	102,93	112,40	109,43	109,7
	- Tiền lương b/q theo lao động	10 <sup>3</sup> đ/thg	5.979	6.445	9.480	10.521	10.484	
	Tốc độ gia tăng	%		107,78	147,09	110,98	99,65	116,4
	- Đơn giá tiền lương (đ/10 <sup>3</sup> DT)		406,58	285,00				
	+ Đ/10 <sup>3</sup> đ GTSX Tư vấn TK				502	489	489	
	+ Đ/10 <sup>3</sup> đ GTSX DVTH & XD				566	546	546	
10	Đầu tư XD CB	Tr.đ	834,00	1.990,00	1.714,00	10.624,00	6.607,50	
	Tốc độ gia tăng	%		238,61	86,13	619,84	62,19	251,7
	Tr. đó: - XL	Tr.đ	230,00			7.347,00	2.131,60	
	- TB	„	604,00	1.352,00	1.499,20	2.613,00	4.475,90	
	- Khác	„		638,00	214,80	664,00		

Phụ lục 02. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾT QUẢ SXKD NĂM 2010

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2009	KH PHKD năm 2010 (177/2010/HĐKD 23/12/2009)	Đ/ chỉnh KH (5586/TKV-KH 11/10/2010)	KH ĐH năm 2010	Thực hiện năm 2010	Tỷ lệ, % so với	
								KH ĐH	Cùng kỳ
1	<b>Nộp Ngân sách</b>		23.205,00	<b>Theo chế độ quy định</b>			27.966,00		120,5
2	<b>Đóng góp vào các Quỹ tập trung TKV</b>		248,00				1.295,00		522,2
	- Quỹ NCKH (theo 159/QĐ- HĐQT ngày 22/01/09 của TKV)	%							
	- Quỹ Đào tạo, quỹ chăm sóc SK, PHCN/GTSX	%		0,20					
	- Quỹ thưởng trong lương/quỹ lương	%		0,50					
3	<b>Sản phẩm chủ yếu</b>								
	- Tư vấn thiết kế								
	- Dịch vụ tổng hợp và XD								
4	<b>Doanh thu</b>	Tr.d	278.389,41	233.000,00	240.000,00	255.180,00	280.925,80	110,1	100,9
4.1	<b>Doanh thu SXKD chính</b>		278.161,00	233.000,00	240.000,00	255.180,00	279.212,80	109,4	100,4
	- Tư vấn thiết kế	..	115.566,00	109.000,00	110.000,00	120.200,00	121.509,80	101,1	105,1
	- Dịch vụ tổng hợp và XD	..	162.595,00	124.000,00	130.000,00	134.980,00	157.703,00	116,8	97,0
4.2	<b>Doanh thu TC &amp; khác</b>		228,41				1.713,00		
	Giá vốn hàng mua vào bán ra	..	161.596,70	136.987,00	136.347,00	137.859,14	152.063,94	110,3	94,1
5	<b>Giá trị sản xuất</b>		116.564,30	96.013,00	103.653,00	117.320,86	127.148,86	108,4	109,1
	- Tư vấn thiết kế	..	99.566,00	90.900,00	93.964,00	103.256,53	107.771,83	104,4	108,2
	- Dịch vụ tổng hợp và XD	..	16.998,30	5.113,00	9.689,00	14.064,33	19.377,03	137,8	114,0
6	<b>Tổng chi phí</b>		271.797,30	228.320,00		248.180,00	288.948,80	116,4	106,3
6.1	<b>Chi phí trung gian</b>		211.425,80	174.648,00		183.705,60	220.709,14	120,1	104,4
6.2	<b>Giá trị gia tăng</b>		66.735,20	58.352,00		71.474,40	75.323,66	105,4	112,9
	Khấu hao TSCĐ	..	1.694,70	2.800,00		3.177,81	3.022,00	95,1	178,3
	Tiền lương	..	54.918,00	47.242,00		56.832,49	59.886,71	105,4	109,0
	Trong đó: - Tư vấn thiết kế	..		44.450,00			52.268,99		
	- Dịch vụ TH & XD	..		2.792,00			7.617,72		
	BHXH, thất nghiệp, y tế, kinh phí công đoàn	..	2.683,80	2.780,00		3.122,89	3.452,95	110,6	128,7
	Các loại thuế	..	1.075,00	850,00		1.341,21	1.878,00	140,0	174,7
7	<b>Kết chuyển chi phí dở dang (ĐK-CK)</b>						-15.107,00		
	Lợi nhuận	..	6.363,70	4.680,00	6.000,00	7.000,00	7.084,00	101,2	111,3
8	<b>Lao động, tiền lương</b>								
	- Lao động bình quân	Người	435,00	415		470	476	101,3	109,4
	- Tiền lương b/q /người-tháng	1000đ	10.521	9.486		10.077	10.484	104,0	99,7
	- Đơn giá tiền lương (đ/10 <sup>3</sup> đ/GTSX)								
	+Tư vấn thiết kế		489	489		489	489	100,0	100,0
	+Dịch vụ TH và XD		546	546		546	546	100,0	100,0
9	<b>Đầu tư XD/CB</b>	Tr.d	10.624,00			3.895,00	6.607,50	169,6	62,2
	- Xây dựng		7347			200,00	2.131,60	1.065,8	29,0
	- Thiết bị		2613			2.995,00	4.475,90	149,4	171,3
	- Khác		664			700,00		0,0	0,0

**Phụ lục 03. KẾ HOẠCH PHỐI HỢP SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM 2011 ÷ 2015**  
(Đăng ký với Tập đoàn Vinacomin)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm kế hoạch					B/q g/d '11-'15
			2011	2012	2013	2014	2015	
1	Nộp ngân sách	Tr.đ	Theo quy định					
2	Các quỹ nộp TKV	„	Theo quy định					
3	Doanh thu	„	250.000,00	260.000,00	280.000,00	300.000,00	315.000,00	
	Tốc độ gia tăng	%		104,00	107,69	107,14	105,00	106,0
	- Tư vấn thiết kế	Tr.đ	110.000,00	110.000,00	120.000,00	125.000,00	130.000,00	
	Tốc độ gia tăng	%		100,00	109,09	104,17	104,00	104,3
	- Dịch vụ TH & XD	Tr.đ	140.000,00	150.000,00	160.000,00	175.000,00	185.000,00	
	Tốc độ gia tăng	%		107,14	106,67	109,38	105,71	107,2
4	Tổng giá trị sản xuất	Tr.đ	104.398,56	105.143,86	114.431,38	119.820,43	124.836,84	
	Tốc độ gia tăng	%		100,71	108,83	104,71	104,19	104,6
	- Tư vấn thiết kế	Tr.đ	93.964,35	93.964,35	102.506,56	106.777,67	111.048,78	
	Tốc độ gia tăng	%		100,00	109,09	104,17	104,00	104,3
	- Dịch vụ TH & XD	Tr.đ	10.434,21	11.179,51	11.924,81	13.042,76	13.788,06	
	Tốc độ gia tăng	%		107,14	106,67	109,38	105,71	107,2
5	Tổng chi phí	„	243.950,00	253.900,00	273.800,00	293.500,00	308.000,00	
	Tốc độ gia tăng	%		104,08	107,84	107,20	104,94	106,0
6	Chi phí trung gian	„	183.539,10	191.243,26	205.411,17	216.912,66	227.444,68	
7	Giá trị gia tăng (GDP)	„	60.410,90	62.656,74	68.388,83	76.587,34	80.555,32	
	Tốc độ gia tăng	%		103,72	109,15	111,99	105,18	107,5
	- Khấu hao TSCĐ	„	3.900,00	5.676,00	6.594,00	11.887,00	13.207,00	
	- Tiền lương	„	51.645,60	52.052,58	56.636,66	59.335,63	61.831,13	
	- BHXH, y tế, thất nghiệp, kinh phí CD	„	3.524,30	3.548,16	3.708,17	3.814,71	3.917,18	
	- Các loại thuế	„	1.341,00	1.380,00	1.450,00	1.550,00	1.600,00	
8	Lợi nhuận	Tr.đ	6.050,00	6.100,00	6.200,00	6.500,00	7.000,00	
	Tốc độ gia tăng	%		100,83	101,64	104,84	107,69	103,7
9	Lao động tiền lương	„						
	- Lao động bình quân	người	474	477	490	500	510	
	Tốc độ gia tăng	%		100,63	102,73	102,04	102,00	101,8
	- Tiền lương b/q theo lao động	10 <sup>3</sup> đ/thg	9.080	9.094	9.632	9.889	10.103	
	Tốc độ gia tăng	%		100,15	105,92	102,67	102,16	102,7
	- Đơn giá tiền lương							
	+ Đ/10 <sup>3</sup> đ GTSX Tư vấn TK		489	489	489	489	489	
	+ Đ/10 <sup>3</sup> đ GTSX DVTH & XD		546	546	546	546	546	
10	Đầu tư XDCB	Tr.đ	19.128,00	20.000,00	10.000,00	12.000,00	12.000,00	
	Tr. đó: - XL	Tr.đ	450,00	10.000,00	5.000,00	7.000,00	7.000,00	
	- TB	„	16.878,00	8.000,00	4.000,00	4.000,00	4.000,00	
	- Khác	„	1.800,00	2.000,00	1.000,00	1.000,00	1.000,00	

Phụ lục 04. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH ĐIỀU HÀNH SXKD NĂM 2011

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH ĐH	Thực hiện	KH PHKD	KH ĐH	Tỷ lệ (%) so với	
			năm 2010	năm 2010	năm 2011	năm 2011	T/h 2010	KH PHKD
<b>1</b>	<b>Nộp Ngân sách</b>		<b>Theo qđinh</b>	<b>27.966,00</b>	<b>Theo qđinh</b>	<b>Theo qđinh</b>		
<b>2</b>	<b>Đóng góp vào các Quỹ tập trung TKV</b>							
	- Quỹ NCKH (theo 159/QĐ-HĐQT ngày 22/01/09 của TKV)	%			0,12	0,12		
	- Quỹ Đào tạo, quỹ chăm sóc SK, PHCN/GTSX	%			0,20	0,20		
	- Quỹ thưởng trong lương/quỹ lương	%			0,50	0,50		
<b>3</b>	<b>Sản phẩm chủ yếu</b>							
	- Tư vấn thiết kế							
	- Dịch vụ tổng hợp và XD							
<b>4</b>	<b>Doanh thu</b>		<b>255.180,00</b>	<b>280.925,80</b>	<b>250.000,00</b>	<b>277.000,00</b>		
<b>4.1</b>	<b>Doanh thu SXKD chính</b>	<i>Tr.đ</i>	<b>255.180,00</b>	<b>279.212,80</b>	<b>250.000,00</b>	<b>277.000,00</b>	99,2	110,8
	- Tư vấn thiết kế	"	120.200,00	121.509,80	110.000,00	120.570,00	99,2	109,6
	- Xây dựng (+Khoan, Neo)	"				15.300,00		
	- Thương mại	"	134.980,00	157.703,00	140.000,00	140.700,00	99,2	111,7
	- Dịch vụ khác	"				430,00		
<b>4.2</b>	<b>Doanh thu Tài chính &amp; khác</b>	"		<b>1.713,00</b>				
	Giá vốn hàng mua vào bán ra	"	137.859,14	152.063,94	145.602,00	157.183,54	103,4	108,0
<b>5</b>	<b>Giá trị sản xuất</b>	"	<b>117.320,86</b>	<b>127.148,86</b>	<b>104.398,00</b>	<b>119.816,46</b>	94,2	114,8
	- Tư vấn thiết kế	"	103.256,53	107.771,83	93.964,00	105.204,60	97,6	112,0
	- Xây dựng (+Khoan, Neo)	"				7.601,86		
	- Thương mại	"	14.064,33	19.377,03	10.434,00	6.580,00	75,4	140,0
	- Dịch vụ khác	"				430,00		
<b>6</b>	<b>Tổng chi phí</b>	"	<b>248.180,00</b>	<b>288.948,80</b>	<b>244.000,00</b>	<b>269.500,00</b>	93,3	110,5
<b>6.1</b>	<b>Chi phí trung gian</b>	"	<b>183.705,60</b>	<b>220.709,14</b>	<b>182.068,60</b>	<b>201.676,30</b>	91,4	110,8
<b>6.2</b>	<b>Giá trị gia tăng</b>	"	<b>71.474,40</b>	<b>75.323,66</b>	<b>67.931,40</b>	<b>75.323,70</b>	100,0	110,9
	Khấu hao TSCĐ	"	3.177,81	3.022,00	3.900,00	3.351,23	110,9	85,9
	Tiền lương	"	56.832,49	59.886,71	51.607,40	58.390,97	97,5	113,1
	Trong đó: - Tư vấn thiết kế	"		52.268,99	45.948,40	51.264,69	98,1	111,6
	- Dịch vụ TH & XD	"		7.617,72	5.659,00	7.126,28		125,9
	BHXH, thất nghiệp, y tế, kinh phí công đoàn	"	3.122,89	3.452,95	5.083,00	4.118,51	119,3	81,0
	Các loại thuế	"	1.341,21	1.878,00	1.341,00	1.963,00	104,5	146,4
<b>7</b>	<b>Kết chuyển chi phí dở dang (ĐK-CK)</b>			<b>-15.107,00</b>				
	Lợi nhuận	"	<b>7.000,00</b>	<b>7.084,00</b>	<b>6.000,00</b>	<b>7.500,00</b>	105,9	125,0
<b>8</b>	<b>Lao động, tiền lương</b>							
	- Lao động bình quân	Người	470	476	474	474	99,6	100,0
	- Tiền lương b/q /người-tháng	1000đ	10.077	10.484	9.073	10.266	97,9	113,1
	- Đơn giá tiền lương (đ/10 <sup>3</sup> đ/GTSX)							
	+Tư vấn thiết kế		489	489	489	489	100,0	100,0
	+Dịch vụ TH và XD		546	546	542	542	99,3	100,0
<b>9</b>	<b>Đầu tư XD CB</b>	<i>Tr.đ</i>		6.607,50	19.128,00			
	- Xây dựng			2.131,60	450,00			
	- Thiết bị			4.475,90	16.878,00			
	- Khác				1.800,00			